

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2026/DS-ST
Ngày: 12 – 02 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hoàng;

Bà Đặng Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Rung K' Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP V (V); Địa chỉ: số H L, Phường L, Quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Hoàng Duy L, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Ngân hàng V – CN P.

Văn bản ủy quyền số 921610/2025/UQN- LCC ngày 29/7/2025.

Bị đơn: bà Nguyễn Lê Thị Bích H, sinh năm 1988; Nơi thường trú: thôn H, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

(Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/8/2025, các bản tự khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Duy L trình bày: Ngân hàng TMCP V có ký với bà Nguyễn Lê Thị Bích H theo các Hợp đồng cho vay sau:

- Hợp đồng khách hàng ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số LN 12406062839385 ngày 05/6/2024(số hợp đồng trên hệ thống điện tử là số LD 2415802120) số tiền vay 99.750.000đ, thời hạn vay 36 tháng. Ngày giải ngân 06/6/2024; Ngày vi phạm là ngày 06/3/2025. Mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất 39%, cố định trong suốt thời gian vay.

- Hợp đồng thẻ tín dụng số LN 2411124279675 ngày 12/11/2024 (Mã thẻ ghi nợ điện tử số 005- P- 1977395), hạn mức cấp tín dụng 26.800.000đ.

Tính đến ngày 12/02/2026, tổng số tiền gốc và lãi bà H còn nợ Ngân hàng như sau:

- Hợp đồng LN 12406062839385 ngày 05/6/2024(số hợp đồng trên hệ thống điện tử là số LD 2415802120): Nợ gốc khoản vay: 83.639.568đ; Nợ lãi khoản vay: 40.834.837đ; trong đó nợ lãi trong hạn là 9.652.173đ, nợ lãi quá hạn là 31.182.664đ.

- Đối với nợ thẻ tín dụng ghi nợ số 005 – P – 1977395 (LN 2411124279675): Nợ gốc: 26.698.254đ; Nợ lãi: 10.393.162đ

Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả tạm tính đến ngày 12/02/2026 cả gốc và lãi của hai hợp đồng là 161.565.821đ, trong đó nợ gốc là 110.337.822đ, nợ lãi 51.227.999đ. Đồng thời phía ngân hàng tiếp tục yêu cầu bà H phải trả lãi kể từ ngày tiếp theo là ngày 13/02/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng đã ký với ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Duy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Lê Thị Bích H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét, theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2025 của nguyên đơn Ngân hàng V1 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Nguyễn Lê Thị Bích H có nơi cư trú tại thôn H, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 36 và

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Xét, theo xác minh của Công an xã Q, tỉnh Lâm Đồng thì bà Nguyễn Lê Thị Bích H có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: thôn H, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Qua xác minh hiện nay bà Nguyễn Lê Thị Bích H đang sinh sống tại địa chỉ trên. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét thấy, khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng V1 đã cung cấp các chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bao gồm: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 05/6/2024 (ký hiệu hợp đồng điện tử: LD 2415802120); giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ dịch vụ ngân hàng Đ1 2411124279657 ngày 12/11/2024 (số hợp đồng điện tử 005- P – 1977395); Bản tóm tắt sao kê chi tiết khoản vay của bà Nguyễn Lê Thị Bích H. Các tài liệu này chứng minh việc bà Nguyễn Lê Thị Bích H đã thực hiện các giao dịch vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ và có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử được ký kết giữa Ngân hàng V1 và bà Nguyễn Lê Thị Bích H đã được ký kết một cách tự nguyện và tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung. Các điều khoản về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất (lãi trong hạn và lãi quá hạn), các khoản phí đều phù hợp với quy định pháp luật và thỏa thuận của các bên quy định tại mục VI phần “Xác nhận và cam kết của khách hàng”.

Quá trình sử dụng vốn vay, bà Nguyễn Lê Thị Bích H đã được Ngân hàng giải ngân toàn bộ số tiền vay chuyển vào số tài khoản đứng tên bà Nguyễn Lê Thị Bích H đăng ký tại Ngân hàng V1. Đến nay, bà Nguyễn Lê Thị Bích H còn nợ theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng LN 12406062839385 ngày 05/6/2024(số hợp đồng trên hệ thống điện tử là số LD 2415802120): Nợ gốc khoản vay: 83.639.568đ; Nợ lãi khoản vay: 40.834.837đ; trong đó nợ lãi trong hạn là 9.652.173đ, nợ lãi quá hạn là 31.182.664đ.

- Đối với nợ thẻ tín dụng ghi nợ số 005 – P – 1977395 (LN 2411124279675): Nợ gốc: 26.698.254đ; Nợ lãi: 10.393.162đ

Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Lê Thị Bích H phải trả tạm tính đến ngày 12/02/2026 cả gốc và lãi là 161.565.821đ.

Do bà Nguyễn Lê Thị Bích H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng V1 yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm xét sơ thẩm là ngày 13/02/2026 cho đến khi bà H thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục IV phần “Xác nhận và cam kết của khách hàng” được quy định tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản

bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ tại các hợp đồng đã ký và quy định tại Điều 280; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017; Điều 23; Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cũng như toàn bộ các tài liệu chứng cứ kèm, trong đó nêu rõ yêu cầu của Ngân hàng V1 về việc buộc bà H trả toàn bộ số tiền còn nợ của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ2 2415802120 ngày 05/6/2024, thẻ tín dụng ký hiệu hợp đồng: 005 – P – 1977395 (LN 2411124279675 ngày 12/11/2024 nhưng bà H không có ý kiến phản đối yêu cầu của Ngân hàng V1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

[2.3]. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1, buộc bà Nguyễn Lê Thị Bích H có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo các hợp đồng điện tử đã ký tính đến ngày 12/02/2026 là 161.565.821đ, trong đó nợ gốc là 110.337.822đ, nợ lãi 51.227.999đ và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/02/2026 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Lê Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị Quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối Cao.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017; Điều 23; Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Lê Thị Bích H về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc bà Nguyễn Lê Thị Bích H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/02/2026 là 161.565.821đ (Một trăm sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc phải trả là: 110.337.822đ, Nợ lãi phải trả là 51.227.999đ và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát

sinh kể từ ngày 13/02/2026 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Lê Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.078.000đ. Ngân hàng TMCP V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho TMCP Việt Nam V số tiền 3.286.467đ tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009535 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V, bà Nguyễn Lê Thị Bích H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà



Lê Thị Kim Ngân

